

PHỤ LỤC 08

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VPBANK

Điều lệ hiện hành của VPBank được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật các tổ chức tín dụng 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó:

- Ngày 18/5/2018, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Ngày 12/03/2018 Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2018/NĐ-CP, trong đó có bãi bỏ Nghị định 59/2009/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại ngày 16/07/2009 hết hiệu lực.

Từ các lý do trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank cho phù hợp với việc thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với các nội dung theo danh mục dưới đây và toàn văn Điều lệ VPBank đã sửa đổi bổ sung.
2. Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VPBank tại điểm 1 nêu trên kể cả việc bổ sung, làm rõ và tiếp tục chủ động tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế giữa hai kỳ Đại hội.
3. Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan trong việc thực hiện báo cáo, đăng ký với Ngân hàng Nhà nước, cơ quan có liên quan về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung trên Điều lệ tại điểm 1 và 2 nêu trên.
4. Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ khác (bao gồm cả Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, các Hội đồng ủy ban khác...) có liên quan cho phù hợp với Điều lệ mới.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Chí Dũng

BẢNG THỐNG KÊ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA VPBANK 2019

I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT:

1. **Luật doanh nghiệp:** Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
2. **Luật TCTD:** Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;
3. **Luật sửa đổi bổ sung Luật TCTD:** Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
4. **Nghị định 59:** Nghị định số 59/2009/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại ngày 16/07/2009;
5. **Thông tư 13:** Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Lưu ý: Tại Bảng thống kê này:

- Các nội dung Điều lệ tại Bản Điều lệ hiện hành bị bỏ đi là các nội dung được GACH CHẤM tại cột “Quy định hiện tại” trong bảng dưới đây.
- Các nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung so với Bản Điều lệ hiện hành là các nội dung được *IN NGHIÊNG* tại cột “Đề xuất sửa đổi” trong bảng dưới đây.

II. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ:

STT	Điều/ Khoản có thay đổi	Quy định hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1 Giải thích từ ngữ (Điểm b, m, n và p Khoản 1)	<p>b) “Luật các tổ chức tín dụng”: là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011.</p> <p>m) “Người điều hành VPBank”: bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của VPBank.</p>	<p>b) “Luật các tổ chức tín dụng”: là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011 và <i>Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017.</i></p> <p>m) “Người điều hành VPBank”: bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, <i>Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc, Giám đốc Vùng/Miền</i>, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của VPBank.</p>	<p>- Sửa đổi Điểm b) bổ sung thêm Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14.</p> <p>- Sửa đổi Điểm m) bổ sung các chức danh “Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc, Giám đốc Vùng/Miền” vào khái</p>

		<p>n) “Người quản lý VPBank”: bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và <u>Kế toán trưởng VPBank</u>.</p> <p>p) “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”: là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 50 của Điều lệ này.</p>	<p>n) “Người quản lý VPBank”: bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc.</p> <p>p) “Thành viên <i>độc lập</i> của Hội đồng quản trị”: là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 50 của Điều lệ này.</p>	<p>niệm “Người điều hành VPBank” theo đề nghị của Khối Tài chính để phù hợp với hoạt động của VPBank.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi Điểm n) bỏ chức danh “Kế toán trưởng VPBank” khỏi khái niệm Người quản lý VPBank theo đề nghị của Khối Tài chính với lý do: theo quy định tại Khoản 31, Điều 4 Luật TCTD khái niệm Người quản lý không bao gồm “kế toán trưởng”. - Sửa đổi tên gọi của thành viên Hội đồng quản trị độc lập thành Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật TCTD.
2.	Điều 9. Thay đổi vốn Điều lệ (Khoản 1 và 2)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Việc thay đổi vốn điều lệ của VPBank phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. 2. Sau khi đã thay đổi mức vốn điều lệ, VPBank phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về mức vốn điều lệ mới, đồng thời phải công bố công khai số vốn điều lệ mới. 3. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để VPBank thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	<p>Bỏ Khoản 1 và Khoản 3.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Việc thay đổi <i>mức</i> vốn điều lệ của VPBank phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện <i>các thủ tục thay đổi</i>. 2. Khi được chấp thuận thay đổi, VPBank phải: <ol style="list-style-type: none"> a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VPBank phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận; b) Đăng ký với cơ nhà nước có thẩm quyền; c) Công bố nội dung thay đổi trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ Khoản 1 và Khoản 3 do Nghị định 59 hết hiệu lực và Luật TCTD không có quy định này. - Bổ sung Khoản 2 phù hợp với quy định tại Điều 29 Luật TCTD và khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật TCTD.

			trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.	
3.	Điều 24. Hệ thống kiểm soát nội bộ (Khoản 1, 2 và 4)	<p>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VPBank, được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.</p> <p>2. VPBank phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.</p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả; tiến hành tổ chức kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và chịu trách nhiệm thực hiện theo các quy định khác có liên quan về hệ thống kiểm soát nội bộ.</p>	<p>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VPBank, được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. <i>Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ.</i></p> <p>2. VPBank phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.</p> <p>d) <i>Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của VPBank;</i></p> <p>e) <i>Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;</i></p> <p>f) <i>Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho VPBank;</i></p> <p>4. <i>Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Sửa đổi, cập nhật phù hợp với quy định Khoản 1, Điều 3, Thông tư 13; - Khoản 2: Bổ sung Điểm d, e và f phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư 13; - Khoản 4: sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 10 Thông tư 13.

			<p>và cơ chế trao đổi thông tin; duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung khác có liên quan về hệ thống kiểm soát nội bộ do Hội đồng quản trị quy định.</p>	
4.	<p>Điều 26. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ (Điểm b và c, Khoản 1)</p>	<p>1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của VPBank: b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án, <i>đang có án tích</i>; c) Người đã từng bị kết án về <i>các tội xâm phạm an ninh quốc gia</i>, các tội xâm phạm sở hữu; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p>	<p>1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của VPBank: b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; c) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu <i>mà chưa được xóa án tích</i>; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 33 Luật TCTD do Nghị định 59 hết hiệu lực.</p>
5.	<p>Điều 28. Đương nhiên mất tư cách (Điểm c, d, e Khoản 1 và Khoản 2, Khoản 3)</p>	<p>1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc: a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết; b) Vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 256 Điều lệ này; c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà người đó là đại diện vốn góp chấm dứt; d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt; e) Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; f) VPBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; g) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</p>	<p>1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc: a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết; b) Vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 256 Điều lệ này; c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân; d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p>- Điều 28 Bản Điều lệ hiện tại được quy định theo Điều 23 Nghị định 59. Do Nghị định 59 đã hết hiệu lực nên: + Khoản 1, 2, 3 sửa đổi bổ sung theo quy định tại Điều 35 Luật TCTD; + Bổ Khoản 3 do Điều 35 Luật TCTD không còn quy định này.</p>

		<p>2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng trên bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị VPBank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y, chấp thuận trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại Điều này đương nhiên hết hiệu lực.</p>	<p>f) VPBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>g) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</p> <p>2. <i>Hội đồng quản trị của VPBank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>3. <i>Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của VPBank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</i></p>	
6.	<p>Điều 29. Bãi nhiệm, miễn nhiệm (Khoản 1, Khoản 3)</p>	<p>1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Có đơn xin từ chức (<u>trong đó nêu rõ lý do xin từ chức</u>) gửi HĐQT và Ban kiểm soát của VPBank;</p> <p>d) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;</p> <p>e) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;</p> <p>3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của VPBank hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>c) <i>Có đơn xin từ chức gửi HĐQT và Ban kiểm soát của VPBank;</i></p> <p>d) <i>Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;</i></p> <p>e) <i>Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;</i></p> <p>3. <i>Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của VPBank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</i></p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 36 Luật TCTD.

7.	Điều 30. Đình chỉ, tạm đình chỉ	<p>1. Trường hợp VPBank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc VPBank vi phạm quy định tại Điều 27 Điều lệ này và/hoặc các quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ được giao, Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền hạn và nghĩa vụ của những đối tượng vi phạm này nếu xét thấy cần thiết; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của VPBank hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p><i>1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành VPBank vi phạm quy định tại Điều 27 Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</i></p> <p><i>2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành của VPBank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.</i></p> <p><i>3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của VPBank hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.</i></p> <p>Bỏ Khoản 3.</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật TCTD.
8.	Điều 33 Quyền và nghĩa vụ chung của	<p>2. Nghĩa vụ chung của người quản lý, người điều hành của VPBank</p> <p>a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ</p>	<p>2. Nghĩa vụ chung của người quản lý, người điều hành của VPBank</p> <p>a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung Điểm a, b Khoản 2 đảm bảo phù hợp Điều 38 Luật TCTD;</p> <p>- Bổ sung Điểm i) Khoản 2</p>

	<p>người quản lý, người điều hành của VPBank (Khoản 2 Điểm a, Điểm b và Điểm i)</p>	<p>VPBank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc chủ sở hữu (đối với các Công ty con); b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của VPBank, cổ đông của VPBank;</p>	<p>VPBank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc chủ sở hữu (đối với các Công ty con); b) Thực hiện các quyền và <i>nghĩa vụ</i> một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của VPBank, cổ đông của VPBank; Bổ sung điểm i) i) Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;</p>	<p>phù hợp với quy định tại Khoản 5, Điều 38 Luật TCTD.</p>
9.	<p>Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông (Khoản 3, 5 và 10)</p>	<p>3. Thông qua Quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; 5. Quyết định <i>tổng</i> mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này; 10. Quyết định việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;</p>	<p>3. <i>Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i> 5. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này; 10. <i>Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 59 Luật TCTD</p>
10.	<p>Điều 38. Hợp Đại hội đồng cổ đông (Khoản 2 và Điểm b, Khoản 3)</p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VPBank; b) Báo cáo tài chính hằng năm; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị; d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của VPBank, kết quả hoạt động của</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông <i>hợp</i> thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. <i>Hình thức họp đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật có liên quan.</i> Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VPBank; b) Báo cáo tài chính hằng năm; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về</p>	<p>- Sửa đổi Khoản 2, phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 59 Luật TCTD do Luật TCTD không có yêu cầu ghi nhận cụ thể các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. - Sửa đổi Điểm b, Khoản 3 phù hợp với thuật ngữ tại Khoản 2, Điều 50 Luật TCTD</p>

		<p>Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau, nếu không thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VPBank:</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật, bao gồm cả trường hợp không đủ số thành viên Hội đồng quản trị <i>độc lập</i>;</p>	<p>quản trị và kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của VPBank, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau, nếu không thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VPBank:</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật, bao gồm cả trường hợp không đủ số thành viên <i>độc lập của</i> Hội đồng quản trị;</p>	
11.	Điều 49. Thành phần, cấu trúc và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	<p>9. Hội đồng quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau:</p> <p>Hội đồng quản trị phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự và quy định cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này. Một ủy ban phải có tối thiểu 3 thành viên gồm trưởng ban là Thành viên Hội đồng</p>	<p>9. Hội đồng quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau:</p> <p>Hội đồng quản trị phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự và quy định cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này. Một ủy ban phải có tối thiểu 3 thành viên gồm trưởng</p>	Bổ sung Khoản 9 đảm bảo tuân thủ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 19 Thông tư 13

	(Điểm a, Khoản 9)	quản trị và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều lệ này. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được là trưởng ban của một ủy ban, Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.	ban là Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều lệ này. <i>Mỗi ủy ban phải có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành.</i> Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được là trưởng ban của một ủy ban, Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.	
12.	Điều 50 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (Khoản 2)	2. Đối với thành viên Hội đồng quản trị <i>độc lập</i> , ngoài những tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 điều này, còn phải đáp ứng các điều kiện sau:	2. Đối với thành viên <i>độc lập của</i> Hội đồng quản trị, ngoài những tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 điều này, còn phải đáp ứng các điều kiện sau:	Sửa đổi Điểm b, Khoản 3 phù hợp với thuật ngữ tại Khoản 2, Điều 50 Luật TCTD
13.	Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (Khoản 1, Điểm d, k, m, bb, cc)	1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau: b) Quyết định cơ cấu tổ chức của Bộ phận kiểm toán nội bộ (trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát), Chi nhánh, Công ty con, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của VPBank; e) Thông qua phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài; phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; m) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của VPBank theo quy định của pháp luật; o) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định	1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau: - Bổ Khoản b);; d) Thông qua <i>phương án huy động vốn; phương án sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật khác có liên quan;</i> - Tách Điểm e thành Điểm e và Điểm f e) Thông qua phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; f) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của	Bỏ Điểm b) và sửa đổi Điểm n) và p) phù hợp với quy định tại Điều 63 Luật TCTD do Nghị định 59 hết hiệu lực; Bổ sung điểm e, phù hợp với quy định tại Điều 33 Nghị định 93; Bổ sung điểm i) phù hợp với quy định tại Điểm h, Khoản 2, Điều 149 Luật DN. Bổ sung điểm ee) và ff) đảm bảo phù hợp với Quy định tại Điều 25 nghị định 93.

		của pháp luật;	VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; n) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên; p) Đề nghị Thông đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật; - Bổ sung Điểm i), Điểm ee) và điểm ff) i) <i>Thông qua hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VPBank. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 34 Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank;</i> ee) <i>Phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm theo đề xuất của Tổng Giám đốc;</i> ff) <i>Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty thành viên độc lập thuộc VPBank.</i>	
14.	Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Điểm g, k Khoản 2)	Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. <u>Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u>	Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị e) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Bổ sung Khoản k k) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này;	- Sửa lại tên điều khoản theo quy định tại Điều 65 Luật TCTD. - Các nội dung được in nghiêng và gạch chân Luật TCTD không có quy định; - Bổ sung Khoản k do quyền này tại Điều lệ hiện tại là quyền của thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 6, Điều 48, Nghị định 59. Hiện Nghị định 59 đã hết hiệu lực nên sẽ chuyển lên trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT cho phù hợp.

15.	Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị (Điểm b, Khoản 1, Điểm a, b Khoản 2)	Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị 1. <i>Nhiệm vụ</i> của thành viên Hội đồng quản trị a) <u>Cùng với các Thành viên khác quản trị VPBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</u> c) <i>Nghiên cứu</i> báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành VPBank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo; 2. Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị: a) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; b) <u>Yêu cầu</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này; c) <u>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</u> theo quy định tại Điều lệ này;	Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị 1. <i>Nghĩa vụ</i> của thành viên Hội đồng quản trị <i>Bỏ Khoản a</i> b) <i>Xem xét</i> báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành VPBank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo; 2. Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị: a) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm <i>chức danh</i> Chủ tịch Hội đồng quản trị; b) <i>Đề nghị</i> Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này; Chuyển Điểm c lên Điều 52 <i>Nhiệm vụ, quyền hạn</i> của Chủ tịch HĐQT Chuyển Điểm c, Khoản 2 lên thành Khoản K, Điều 52.	- Sửa lại tên điều khoản theo quy định tại Điều 65 Luật TCTD; - Sửa lại một số wording tại Khoản 1 và Khoản 2; - Chuyển Điểm c, Khoản 2 lên thành Khoản K, Điều 52.
16.	Điều 55. Thể thức họp Hội đồng quản trị (Khoản 10, Điểm a)	10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - <u>Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên trực tiếp dự họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.</u> <u>Trường hợp họp qua teleconference hoặc videoconference thì trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày họp, tất cả các thành viên dự họp</u>	10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - <i>Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản.</i>	- Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 154 Luật doanh nghiệp.

		phải ký trực tiếp vào Biên bản họp.		
17.	Điều 56. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	<p>1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.</u></p> <p>2. <u>Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>3. <u>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a) <u>Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VPBank;</u></p> <p>b) <u>Mục đích lấy ý kiến;</u></p> <p>c) <u>Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d) <u>Vấn đề cần lấy ý kiến;</u></p> <p>e) <u>Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</u></p> <p>f) <u>Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VPBank;</u></p> <p>g) <u>Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p> <p>4. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về VPBank theo quy định của VPBank.</u></p> <p>5. <u>Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập của Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị có quyền lợi liên quan. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a) <u>Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VPBank;</u></p> <p>b) <u>Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;</u></p>	<p><i>Việc lấy ý kiến và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.</i></p>	<p>Nội dung này được ghi nhận tại Điều lệ theo quy định tại Điều 51 Nghị định 59.</p> <p>Hiện ND 59 đã hết hiệu lực. Điều khoản này được sửa đổi theo hướng không quy định chi tiết việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản tại Điều lệ nữa và dẫn chiếu tới Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT từng thời kỳ.</p>

		<p>c) <u>Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;</u></p> <p>d) <u>Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;</u></p> <p>e) <u>Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.</u></p> <p>6. <u>Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</u></p> <p>7. <u>Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</u></p> <p>8. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank.</u></p> <p>9. <u>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</u></p>		
18.	Điều 58. Ban kiểm soát (Khoản 4, Khoản 5)	<p>4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát <u>không quá 05 năm</u>. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế <u>thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời</u></p>	<p>4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát <i>theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát</i>. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 44 Luật TCTD do Nghị định 59 đã hết hiệu lực.</p>

		<p><u>han nhiệm kỳ</u> là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, VPBank phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.</p>	<p>nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát <i>không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 2, Điều này</i> thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, VPBank phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.</p>	
19.	<p>Điều 59. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát (Khoản 4, 6, 7, 13, 14, 15 và 18)</p>	<p>2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;</p> <p>4. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>6. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của VPBank, <u>bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện</u>. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VPBank khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày</p>	<p>2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát <i>theo quy định pháp luật từng thời kỳ</i>. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;</p> <p>4. <i>Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</i></p> <p>6. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của VPBank; Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VPBank khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa Khoản 2 phù hợp với quy định tại Điều 68, 69 Thông tư 13. - Sửa Khoản 4, 6 7 phù hợp với quy định tại Điều 45 Luật TCTD; - Sửa đổi Khoản 13, 14, 15 phù hợp với quy định Điều 13, 70 và 72 Thông tư 13. - Bổ sung Khoản 18 phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 15 Luật TCTD. - Bổ sung Khoản 19 phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 22, Nghị định 71;

		<p>làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến <u>Hội đồng quản trị và tổ chức, cá nhân</u> có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VPBank;</p> <p>13. <u>Định kỳ hàng năm, Ban kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;</u></p> <p>14. <u>Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng giám đốc và thống nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u></p>	<p>định của pháp luật. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.</p> <p>13. <i>Thực hiện giám sát đối với bộ phận kiểm toán nội bộ; giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động giám sát đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của Ban kiểm soát;</i></p> <p>14. <i>Ban hành kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;</i></p> <p>15. <i>Phê duyệt báo cáo kết quả tự đánh giá kiểm toán nội bộ và phê duyệt báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ để gửi Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc theo quy định nội bộ của Ban kiểm soát.</i></p> <p>Bổ Khoản 13 và 14. Bổ sung Khoản 18, Khoản 19</p> <p>18. <i>Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</i></p> <p>19. <i>Có ý kiến với Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng.</i></p>	
20.	Điều 60. Nhiệm vụ,	2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở <u>xem xét các vấn đề và mối quan tâm của các thành viên Ban Kiểm soát</u>	2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở <u>ý kiến đề xuất</u> của thành viên Ban Kiểm soát liên	- Sửa Khoản 2 phù hợp với Khoản 2, Điều 46 Luật

	quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát (Khoản 2)	liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát. <u>10. Yêu cầu HĐQT, TGD và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo Ban kiểm soát.</u>	quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát. Bổ khoản 10.	TCTD; - Bổ Khoản 10 do nội dung này Luật không có quy định.
21.	Điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát (Khoản 1, 2, 4, 6 và 7)	1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng và vì lợi ích của VPBank và cổ đông. 2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát; 4. Kiểm tra các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có. 6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. 7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích	1. <i>Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của VPBank và của cổ đông.</i> <i>Bổ sung Khoản 2:</i> 2. <i>Đảm bảo tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp áp dụng cho thành viên của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Pháp luật và các quy định khác của Ban Kiểm soát;</i> 3. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát; 5. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục; 7. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về những đánh giá và kết luận của mình. 8. Tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về-vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 47 Luật TCTD; Bổ sung Khoản 2 nhằm nâng cao trách nhiệm của thành viên BKS tuân thủ quy định tại Điều 67 Thông tư 13.
22.	Điều 64. Tổng Giám đốc (Khoản 3)	3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của VPBank trong thời gian chờ Ngân hàng Nhà nước</i>	Bổ sung quy định vào Điều lệ trường hợp TGD hết nhiệm kỳ và chờ NHNN chấp thuận danh sách dự kiến người được bổ nhiệm TGD.

			<i>chấp thuận danh sách dự kiến người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc khi nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đã hết, ngoại trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác.</i>	
23.	Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Điểm q, Khoản 1)	Chưa quy định	Bổ sung Điểm q) q) <i>Xây dựng kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo căn cứ vào phương hướng hoạt động kinh doanh, hàng năm và trình HĐQT phê duyệt. Căn cứ vào kế hoạch tài chính đã được HĐQT phê duyệt, Tổng Giám đốc giao kế hoạch và chỉ tiêu thực hiện cho các đơn vị;</i>	Bổ sung Điểm q) phù hợp với quy định tại Điều 25 Nghị định 93.
24.	Điều 66. Giúp việc cho Tổng Giám đốc	1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban/Trung tâm tại Hội sở chính; Giám đốc các Chi nhánh và các chức danh khác theo quy định của VPBank. 2. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.	1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban/Trung tâm tại Hội sở chính; Giám đốc các Chi nhánh và các chức danh khác theo quy định của VPBank. 2. Bổ Khoản 2	Bỏ Khoản 2 do nội dung này đang được ghi nhận theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Nghị định 59. Nghị định 59 đã hết hiệu lực và Luật TCTD không có quy định này.
25.	Điều 70 Báo cáo tài chính	Điều 70. Báo cáo tài chính 1. VPBank lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 2. Báo cáo tài chính của VPBank bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của VPBank trong năm tài chính và tình hình các hoạt động nghiệp vụ của VPBank cho đến thời điểm lập báo cáo. Nếu có Công ty con, VPBank phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật. 3. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng	Điều 70. Báo cáo <i>1. VPBank thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i> <i>2. Ngoài báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này, VPBank báo cáo kịp thời bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây:</i> a) <i>Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VPBank;</i> b) <i>Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông</i>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Quy định tại Điều 141 và 143 Luật TCTD.

		<p>năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Ngoài ra, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của VPBank phải được công bố trên website của VPBank. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của VPBank và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> <p>4. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VPBank phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của VPBank;</i></p> <p>c) <i>Thay đổi tên chi nhánh của VPBank; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.</i></p> <p>3. <i>Công ty con, công ty liên kết của VPBank có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.</i></p> <p>4. <i>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VPBank gửi Ngân hàng Nhà nước các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>5. <i>Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và đăng trên 01 số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc.</i> Ngoài ra, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của VPBank phải được công bố trên website của VPBank. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của VPBank và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> <p>Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VPBank phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.</p>	
26.	Điều 75. Thông tin và bảo mật thông tin	<p>1. VPBank phải thông tin định kỳ về những giao dịch và số dư trên tài khoản tại VPBank cho chủ tài khoản nếu có yêu cầu của chủ tài khoản.</p> <p>2. VPBank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và khách hàng.</p>	<p>1. VPBank cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản <i>theo thỏa thuận</i> với chủ tài khoản.</p> <p>2. <i>VPBank có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan</i></p>	Cập nhật lại thông tin theo quy định của Điều 13, 14 Luật TCTD.

		<p>3. Cán bộ, nhân viên của VPBank và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của VPBank mà mình biết.</p> <p>4. VPBank được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về việc cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của VPBank, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.</p>	<p><i>đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với VPBank theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i></p> <p><i>3. VPBank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của Ngân hàng.</i></p> <p><i>4. Nhân viên, người quản lý, người điều hành của VPBank không được tiết lộ bí mật kinh doanh của Ngân hàng.</i></p> <p><i>5. VPBank phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại VPBank.</i></p> <p><i>VPBank không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại VPBank cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.</i></p>	
--	--	--	--	--